

Bản án số: **88** /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17/10/2019

V/v: tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Quý – Giáo viên nghỉ hưu

Bà Nguyễn Thị Luận – Nguyên Phó Chủ tịch

Hội phụ nữ huyện Chương Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Hồng - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 216/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984.

Nơi ĐKKHKT: Số nhà 01, tổ 2, khu TX, thị trấn XM, huyện CM, Tp. Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Thôn TT, xã PT, huyện VT, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1983.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Số nhà 01, tổ 2, khu TX, thị trấn XM, huyện CM, Tp. Hà Nội.

Có mặt: Chị T, anh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn V tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 24/02/2007 tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện VT, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống với nhau tại nhà bố mẹ anh V ở khu TX, thị trấn XM, huyện CM. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng

một năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V mãi chơi cờ bạc, không chịu làm ăn và không chăm lo vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, cãi cọ, nhiều lần anh V đánh đập chị. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Đến tháng 7 năm 2019, chị T xin phép bố mẹ chồng về ở nhà bố mẹ đẻ ở xã PT, huyện VT, tỉnh Thái Bình, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh V có 01 con chung là cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 05/9/2009; hiện đang ở với anh V và ông bà nội. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Duy A. Chị tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị không có thai.

Hiện tại chị đang làm tại Công ty cổ phần DĐTB, thu nhập khoảng 9.500.000 đồng/ tháng. Ngoài ra chị mở cửa hàng salon làm tóc ở thành phố TB thu nhập khoảng 12.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Nguyễn Văn V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh V xác nhận anh và chị Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 24/02/2007 tại UBND xã PT, huyện VT, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh ở tổ 2, khu TX, thị trấn XM, huyện CM. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2008 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và anh nghi ngờ chị T có quan hệ bất chính với người khác. Từ tháng 7 năm 2019 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn TT, xã PT, huyện VT, tỉnh Thái Bình, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng và mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Trường hợp chị T cương quyết ly hôn anh cũng đồng ý với điều kiện phải để cho anh được nuôi con chung.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 05/9/2009; hiện tại đang ở cùng với anh và ông bà nội. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Duy A. Anh tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện tại anh đang làm ở salon ô tô của công ty TO, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến đương sự tại phiên tòa:

- Chị T giữ yêu cầu xin ly hôn anh V. Về con chung: chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Duy A và tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh V xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn anh không đồng ý ly hôn. Nếu chị T nhất quyết ly hôn thì phải để anh nuôi cháu Duy A. Về con chung: khi ly hôn anh xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Duy A và tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được Tòa án yêu cầu tham gia đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, không tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải.

Về nội dung: Căn cứ vào ý kiến, quan điểm của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T và xử cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Văn V; Về con chung: giao con chung là cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 05/9/2009 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh V; Về tài sản chung, công nợ chung: không có, không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn V đang cư trú tại thị trấn XM, huyện CM, Tp. Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 24/02/2007 tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện VT, tỉnh Thái Bình nên hôn nhân giữa chị T và anh V là hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của chị T, anh V

và kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân cho thấy: Trong quá trình chung sống, giữa chị T và anh V thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Chị T và anh V đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 đến nay. Trước yêu cầu của chị T xin ly hôn, anh V xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cũng không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị T xin ly hôn anh V là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh V xác nhận có 01 con chung là cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 05/9/2009.

Xét việc xin nuôi con chung thấy: Hiện tại chị T và anh V đều có công việc và thu nhập. Tuy nhiên, chị T có hợp đồng lao động không xác định thời hạn với công ty Cổ phần ĐĐTĐ; anh V không xuất trình chứng cứ về thu nhập. Bố, mẹ của chị T và anh V đều có đơn đề nghị nếu chị T, anh V được nuôi con gia đình sẽ tạo điều kiện về chỗ ở và hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Duy A. Tuy nhiên, xét nguyện vọng của cháu Duy A đã trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với mẹ vì mẹ thường xuyên quan tâm, chăm sóc cháu. Vì vậy, cần giao cháu Duy A cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh V có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh V đến khi có sự thay đổi khác.

[2.4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T và anh V đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

2.Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 05/9/2009 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh V có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3.Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh V đến khi có sự thay đổi khác.

4.Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T và anh V xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5.Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phân ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004292 ngày 19/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Vinh có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận

- Đương sự;
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã PT, huyện VT, tỉnh Thái Bình (Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSVA – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thế Lợi